TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K6
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2022 - 2024, HUYỆN KRÔNG BÔNG
DỰ THI KẾT THÚC HẾT PHẦN HỌC

Bài thi Phần A VII: Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 07 tháng 5 năm 2023;
Thời gian làm bài: 180 phút;
Địa điểm thi: Trung tâm Chính trị huyện Krông Bông

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Duy	An	10/6/1982	*Nghỉ học*				
2	Hà Bảo	Ba	07/11/1984	02		33	7,0	Bảy
3	H' Wưn	Bdap	14/6/1984	02		29	7,0	Bảy
4	Nguyễn Thị	Bình	07/02/1980	02		47	7,0	Bảy
5	H' Duyên	Byă	10/3/1987	02		39	7,25	Bảy, hai năm
6	H Joan	Byă	06/11/1989	02		56	7,25	Bảy, hai năm
7	H' Noan	Byă	15/8/1984	02		57	7,0	Bảy
8	Nguyễn Thị	Cảm	12/8/1986	03		43	7,75	Bảy, bảy năm
9	Nguyễn Ngọc	Cường	20/07/1983	02		40	7,25	Bảy, hai năm
10	Nguyễn Thị Bích	Đào	30/11/1988	03		8	7,25	Bảy, hai năm
11	Phan Thị	Đông	05/3/1986	02		37	7,5	Bảy, năm
12	Nguyễn Phú	Đức	30/12/1071	02		48	7,0	Bảy
13	Nguyễn Văn	Đức	05/11/1984	02		12	7,0	Bảy
14	Đặng Thị Thúy	Dung	20/12/1977	02		55	7,25	Bảy, hai năm
15	Nguyễn Thị	Dung	02/4/1989	02		23	7,25	Bảy, hai năm
16	Trần Ngọc	Dũng	27/12/1979	02		38	7,5	Bảy, năm
17	Lê Bằng	Giang	08/8/1978	03		63	8,0	Tám
18	Nguyễn Thị	Hà	18/4/1985	03		6	7,75	Bảy, bảy năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Hoàng Trọng	Hải	08/6/1986	02		19	7,0	Bảy
20	Nguyễn Viết	Hàng	14/4/1984	02		22	7,25	Bảy, hai năm
21	Mạc Văn	Hiến	05/2/1976	02		7	6,75	Sáu, bảy năm
22	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	10/8/1982	03		26	8,0	Tám
23	Văn Thị	Hiền	01/01/1985	02		51	7,5	Bảy, năm
24	Lê Thị	Hiệp	06/02/1986	*Nghỉ học*				
25	Đoàn Thị	Hiếu	15/01/1988	02		49	7,25	Bảy, hai năm
26	Lê Phước	Hiếu	12/8/1969	02		1	8,0	Tám
27	Phạm Trung	Hiếu	10/5/1986	02		4	7,5	Bảy, năm
28	Đặng Thị	Hoa	04/4/1969	*Nghỉ học*				
29	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	14/10/1975	02		15	7,5	Bảy, năm
30	Phạm Tiến	Học	29/8/1986	02		11	7,0	Bảy
31	Mai Văn	Hội	20/6/1986	02		25	7,0	Bảy
32	Bùi Văn	Huấn	16/5/1975	02		21	7,0	Bảy
33	Phạm Đức	Hùng	02/11/1982	02		24	7,25	Bảy, hai năm
34	Hoàng Thị	Hương	30/8/1977	03		42	8,0	Tám
35	Mai Thị	Hương	10/11/1969	02		52	7,5	Bảy, năm
36	Hoàng Thị	Huyên	16/7/1987	02		31	7,5	Bảy, năm
37	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	07/02/1981	02		53	7,5	Bảy, năm
38	Y Ner	Knul	08/9/1980	02		18	7,0	Bảy
39	Trương Thị Mỹ	Lệ	16/8/1984	02		30	7,0	Bảy
40	Nguyễn Thị Tố	Linh	07/10/1983	03		3	8,0	Tám
41	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	04/7/1975	03		62	7,75	Bảy, bảy năm
42	Y Phim	Mlô	04/10/1984	02		59	7,25	Bảy, hai năm
43	Võ Thị Thanh	Nga	02/02/1980	03		27	8,0	Tám

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
44	Lê Thanh	Niềm	12/12/1986	01		28	7,75	Bảy, bảy năm
45	Hoàng Thụy Vi	Phong	21/01/1980	02		50	7,75	Bảy, bảy năm
46	Vũ Thị Mai	Phượng	09/12/1980	02		10	7,25	Bảy, hai năm
47	Hồ Thị	Sáu	12/5/1987	02		54	7,25	Bảy, hai năm
48	Lê Thanh	Sơn	11/3/1984	01		32	7,25	Bảy, hai năm
49	Phan Minh	Sơn	24/05/1978	02		9	7,25	Bảy, hai năm
50	Hoàng Văn	Tâm	20/8/1982	*Nghỉ học*				
51	Trần Thị	Tâm	01/03/1975	02		35	7,25	Bảy, hai năm
52	Nguyễn Viết	Thắng	08/02/1985	*Nghỉ học*				
53	Đặng Lý	Thanh	20/10/1976	02		36	7,0	Bảy
54	Nguyễn Quang	Thanh	25/10/1976	02		13	7,25	Bảy, hai năm
55	Lưu Viết	Thao	01/01/1987	02		14	7,0	Bảy
56	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/3/1983	03		44	7,5	Bảy, năm
57	Phan Nguyễn Ngọc	Thảo	12/7/1982	02		16	7,25	Bảy, hai năm
58	Đỗ Văn	Trung	05/2/1976	02		58	7,25	Bảy, hai năm
59	Ngô Thị Thanh	Tú	12/01/1985	02		60	7,75	Bảy, bảy năm
60	Lại Đức	Tuấn	25/02/1980	02		5	7,25	Bảy, hai năm
61	Võ Anh	Tuấn	25/8/1986	02		17	7,0	Bảy
62	Tống Thị	Tuyết	02/02/1978	03		61	8,25	Tám, hai năm
63	Cao Thị Thanh	Vân	03/4/1987	03		41	8,0	Tám
64	Huỳnh Viết	Văn	14/3/1982	02		34	7,5	Bảy, năm
65	Lê Thị Tường	Vi	05/10/1986	02		20	7,25	Bảy, hai năm
66	Nguyễn Thị	Vi	29/8/1977	*Nghỉ học*				
67	Nguyễn Thùy	Vy	06/11/1981	03		45	7,5	Bảy, năm
68	Nguyễn Viết	Xuân	08/10/1965	02		2	7,5	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
69	Thái	Ý	12/7/1971	02		46	7,5	Bảy, năm
70	Trần Hải	Yến	29/7/1984	03		64	8,0	Tám

Tổng số học viên theo danh sách:....64.....học viên;
Số học viên đủ điều kiện thi:.....64.....học viên;
Số học viên không đủ điều kiện thi:.....0.....học viên;
Số bài thi hiện có...64.....bài.

CÁN BỘ COI THI 01

Ra Lan Nguyệt

Ngày..06..tháng...6...năm 2023

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Nguyễn Văn Giêng

TRƯỞNG KHOA

Trần Quốc Tùng

CÁN BỘ COI THI 02

Vũ Thị Ngọc

Ngày..05..tháng...6...năm 2023

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà

BAN GIÁM HIỆU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Nguyễn Thành Dũng